

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 06 - 9 - 2022  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Văn Khảm

Bà Trần Thị Bích Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Tiếp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa:**

Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Đỗ Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 17 tháng 11 năm 2016. Ngày cưới, chị N về làm dâu ngay và vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ anh H khoảng 01 tháng, sau đó bố mẹ anh H tiếp tục vào tỉnh Gia Lai làm kinh tế. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường,

đến tháng 3/2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H chơi bời cò bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ, con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H nhiều lần đe dọa, thậm chí đánh đập chị, nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3/2022 cho đến nay. Từ khi sống ly thân, anh H và gia đình anh có dàn xếp, nhưng do anh H vẫn không thay đổi gì nên chị không đồng ý đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm của chị đối với anh H không còn, chị yêu cầu được ly hôn.

Bị đơn là anh Đỗ Văn H trình bày: Về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân nhau như chị N trình bày. Nguyên nhân là do con còn nhỏ, anh mong muốn chị N dành nhiều thời gian cho gia đình nhưng chị N thường xuyên đi làm về muộn, anh góp ý chị N không thay đổi, nên khi nóng giận, anh có tát chị N hoặc có lời nói đe dọa nhưng tất cả xuất phát từ việc anh quan tâm đến chị N. Anh xác định tình cảm của anh đối với chị N vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 con là Đỗ Nhật A, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2019, hiện cháu A đang ở với anh H. Ly hôn, cả hai bên đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản có, khoản nợ và đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Hai bên xác nhận không ai giữ tài sản gì của ai.

Về công sức: Tại phiên tòa, chị N và anh H xác nhận anh chị có 05 năm 04 tháng sống chung với nhau, trong đó có khoảng 01 tháng sau khi cưới ở cùng bố mẹ đẻ anh H và sau khi chị N sinh con có khoảng hơn 01 năm ở cùng bố mẹ đẻ chị N để nhờ bố mẹ chị trông nom, chăm sóc con. Trong thời gian ở chung, chị N và anh H không có tài sản gì đóng góp cho gia đình hai bên. Ly hôn, chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Giao cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2019; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản,

công nợ, đất canh tác và công sức: Hai bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn H là vợ chồng; chị N yêu cầu xin ly hôn với anh H nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh H hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện Y, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 3 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Theo chị N, nguyên nhân là do anh H chơi bời cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ, con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh H nhiều lần đe dọa, thậm chí đánh đập chị. Theo anh H là do con nhỏ, anh mong muốn chị N dành nhiều thời gian cho gia đình nhưng chị N thường xuyên đi làm về muộn, anh góp ý chị N không thay đổi, nên khi nóng giận anh có tát chị N hoặc có lời nói đe dọa nhưng tất cả xuất phát từ việc anh quan tâm đến chị N. Nay chị N xác định tình cảm của chị đối với anh H không còn, chị xin ly hôn; anh H xác định tình cảm của anh đối với chị N vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Qua lời trình bày của các đương sự và qua thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy chị N và anh H có thời gian dài chung sống hòa thuận, nhưng do anh H tính tình nóng nảy, khi xảy ra mâu thuẫn không kiềm chế được bản thân nên có lời nói đe dọa, hành động đánh đập chị N, anh H cho rằng xuất phát từ việc anh quan tâm đến chị N, nhưng cư xử như vậy là không đúng cách mà còn làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sức khỏe của chị N; chị N cũng không có phương pháp góp ý phù hợp nên khi sống ly thân, mặc dù anh H và gia đình anh đã dàn xếp nhưng không có kết quả. Tòa án đã kiên trì phân tích, hòa giải khuyên anh chị về đoàn tụ, nhưng chị N xác định chị đã tạo cho anh H cơ hội nhưng anh không thay đổi được nên chị tha thiết xin ly hôn. Anh H xác định không còn giải pháp gì khác để thuyết phục chị N về đoàn tụ. Điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa chị N và anh H không còn khả năng cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không đáp ứng được yêu cầu của anh H mà cần chấp

nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ chị N và anh H có 01 con như anh chị đã xác nhận. Nguyên vọng xin nuôi con của hai bên đều chính đáng. Tuy nhiên, do bố mẹ anh H đi làm kinh tế xa nhà, việc hỗ trợ giúp đỡ trông nom, chăm sóc con cho anh H không được thường xuyên; anh H xác nhận tiền lao động có được vẫn phải trả nợ, nếu để anh H trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu A và ảnh hưởng đến công việc của anh H. Trong khi đó, chị N có việc làm và thu nhập ổn định, có sự giúp đỡ của bố mẹ chị N từ khi cháu A được sinh ra và do cháu A còn nhỏ (hơn 03 tuổi), cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Vì vậy, không đáp ứng yêu cầu của anh H được mà cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về Ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Nhật A, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2019; anh Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001330, ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã Đ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Mai Hương**